

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v tranh chấp ly hôn.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

với nhau hai con chung là Trần Bảo N, sinh ngày 09/10/2012 và Trần Bảo Ngọc H, sinh ngày 23/9/2016.

Từ khi kết hôn đến giờ cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc vì không hợp tính tình, thường xuyên kình cãi, bà Ng nhiều lần dùng lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm ông, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Võ Thị Thúy Ng.

Về con chung: Ông tự nguyện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con chung là Trần Bảo N, sinh ngày 09/10/2012 và Trần Bảo Ngọc H, sinh ngày 23/9/2016 đến tuổi trưởng thành. Ông không yêu cầu bà Ng cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung với bà Ng.

Bị đơn bà Võ Thị Thúy Ng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại Tòa án, bà Võ Thị Thúy Ng trình bày:

Bà và ông Trần Minh T tự nguyện kết hôn năm 2012 và đã được Ủy ban nhân dân xã Ninh An, thị xã Ninh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 36/2012 quyền số 01/2012 ngày 27/6/2012. Qua quá trình chung sống ông bà có với nhau hai con chung là Trần Bảo N, sinh ngày 09/10/2012 và Trần Bảo Ngọc H, sinh ngày 23/9/2016.

Bà thừa nhận cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra kình cãi và mâu thuẫn tuy nhiên không đến mức phải ly hôn. Bà vẫn còn rất thương chồng và thương con vì vậy bà không đồng ý ly hôn theo yêu cầu ly hôn của ông Trần Minh T

Về con chung: Nếu Tòa giải quyết ly hôn, bà tự nguyện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con chung là Trần Bảo N, sinh ngày 09/10/2012 và Trần Bảo Ngọc H, sinh ngày 23/9/2016 đến tuổi trưởng thành. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung với ông T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Minh T vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, yêu cầu ly hôn với bà Võ Thị Thúy Ng; về con chung: Ông tự nguyện giao hai con chung là Trần Bảo N, sinh ngày 09/10/2012 và Trần Bảo Ngọc H, sinh ngày 23/9/2016 cho bà Võ Thị Thúy Ng trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung, mỗi con chung 1.500.000 đồng/ tháng; về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung với bà Ng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã chấp hành đúng và đầy

đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, công khai đảm bảo quyền lợi hợp pháp.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; về con chung: Giao con chung là Trần Bảo N, sinh ngày 09/10/2012 và Trần Bảo Ngọc H, sinh ngày 23/9/2016 cho bà Võ Thị Thúy Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T phải cấp dưỡng nuôi hai con chung, mỗi con chung 1.500.000 đồng/ tháng; về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung với bị đơn nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Võ Thị Thúy Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là bà Võ Thị Thúy Ng.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Trần Minh T yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn bà Võ Thị Thúy Ng hiện cư trú tại: Thôn Gia Mỹ, xã Ninh An, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Minh T và bà Võ Thị Thúy Ng kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh An, thị xã Ninh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 36/2012 quyển số 01/2012 ngày 27/6/2012 vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời trình bày của ông Trần Minh T và bà Võ Thị Thúy Ng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, giữa vợ chồng có sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, tuy nhiên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà Ng không hạnh phúc do thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên xảy ra kinh cãi vì bà Ng nhiều lần dùng lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm ông T. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bà Ng thừa nhận gia đình có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn, bà không đồng ý ly hôn vì bà vẫn còn rất thương chồng, thương con. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Ng đến tham dự phiên tòa nhưng bà Ng cố tình vắng mặt không đến, điều này đủ cơ sở xác định bà Ng không còn quan tâm đến ông T. Việc bà Ng không đồng ý ly hôn chỉ nhằm mục đích gây khó khăn cho ông T. Như vậy, mục đích hôn nhân của ông T và bà Ng không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo

dài, yêu cầu xin ly hôn của ông T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về con chung: Theo tài liệu giấy khai sinh và lời khai của ông T, bà Ng thì ông bà có hai con chung là Trần Bảo N, sinh ngày 09/10/2012 và Trần Bảo Ngọc H, sinh ngày 23/9/2016; Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Minh T tự nguyện giao hai con chung là Trần Bảo N, sinh ngày 09/10/2012 và Trần Bảo Ngọc H, sinh ngày 23/9/2016 cho bà Võ Thị Thúy Ng trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Quá trình làm việc tại Tòa án, bà Võ Thị Thúy Ng cũng có nguyện vọng nuôi hai con chung, hiện tại Trần Bảo N và Trần Bảo Ngọc H đều đang ở với mẹ; mặt khác cháu Trần Bảo Ngọc H sinh ngày 23/9/2016 chưa đủ 36 tháng tuổi. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung phát triển toàn diện và được sống ổn định Hội đồng xét xử xét nên giao cháu Nam và cháu Hân cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của ông Trần Minh T. Ông T phải cấp dưỡng nuôi hai con chung, mỗi con chung 1.500.000 đồng/ tháng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T, bà Ng không yêu cầu giải quyết tài sản chung, và xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Trần Minh T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm cho nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[7] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Minh T.

1.1. Về hôn nhân: Ông Trần Minh T được ly hôn bà Võ Thị Thúy Ng.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Trần Bảo N, sinh ngày 09/10/2012 và Trần Bảo Ngọc H, sinh ngày 23/9/2016 cho bà Võ Thị Thúy Ng trực tiếp

nuôi dưỡng. Ông Trần Minh T phải cấp dưỡng nuôi hai con chung, mỗi con chung 1.500.000 đồng/ tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Ông Trần Minh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Quy định chung: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Ông Trần Minh T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm cho nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, tổng cộng ông T phải nộp 600.000 đồng án phí nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003832 ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Ông Trần Minh T còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã Ninh An, thị xã Ninh Hòa;
- GCNKH số: 36 ngày 27/6/2012;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quốc Thịnh